TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường.
Ông Nguyễn Văn Sum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Huỳnh N, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; tạm trú: ấp 17, xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Hải T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: ấp 17, xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lê Ngọc B; địa chỉ cư trú: ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Hải T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T

không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 07 tháng nay.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Ngô Đình T, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Ngô Song H, sinh ngày 19/12/2012. Hiện nay chị đang nuôi dạy hai cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh T có 05 chỉ vàng 24k, số vàng này đã cho bà Lê Ngọc B (mẹ chồng) mượn đến nay chưa trả.

Về nợ chung: Chị và anh T có thiếu nợ ông Bùi Văn H (cha ruột) số tiền 7.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn; về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H theo quy định của pháp luật; về tài sản chung chị và anh T, bà B tự thỏa thuận số vàng mượn, không yêu cầu giải quyết tại vụ án; về nợ chung nếu ông H đòi số tiền đã thiếu thì chị đồng ý cùng với anh T thanh toán nợ cho ông H.

Tại đơn không yêu cầu giải quyết nợ ngày 25/5/2018, ông Bùi Văn H trình bày:

Ông xác định vợ chồng chị N và anh T có thiếu ông số tiền là 7.000.000 đồng. Nay ông không yêu cầu giải quyết buộc chị N và anh T trả cho ông số tiền đã thiếu.

Tại phiên tòa, đương sự và đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Chị Bùi Huỳnh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện N trình bày, chị không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của chị N yêu cầu ly hôn với anh T, về con chung giao cháu T và cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dạy, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng với số tiền 695.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, về tài sản chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xét, về án phí chị N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, Nhưng bị đơn là anh T và người liên quan là ông H, bà B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng đã nêu.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Huỳnh N và anh Ngô Hải T được xác lập hợp pháp, thể hiện là anh chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung

sống giữa chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên anh chị sống ly thân N lời trình bày của chị N là thực tế có xảy ra. Điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng mâu thuẫn của anh chị. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả, do anh T không tham gia phiên hòa giải và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh chị ly hôn với nhau là phù hợp với thực tế. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Ngô Đình T, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Ngô Song H, sinh ngày 19/12/2012. Cháu T và cháu H hiện chưa thành niên, kể từ khi ly thân đến nay chị N trực tiếp nuôi dạy hai cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu đã ổn định, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống các cháu. Đồng thời, cháu T hiện đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được chung sống với chị N. Do đó, giao cháu T và cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T và cháu H mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không trực tiếp nuôi con nên theo quy định anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó chị N yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Anh T hiện nay nghề nghiệp là lao động phổ thông nên lấy mức cấp dưỡng thông thường theo khả năng thực tế, mức cấp dưỡng mà anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng bằng ½ mức lương cơ bản hiện hành (mức lương cơ bản hiện nay là 1.390.000 đồng/tháng) với số tiền 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể tử ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Số vàng bà B mượn của chị N, anh T là 05 chỉ vàng 24k và số tiền chị N, anh T nợ của ông H là 7.000.000 đồng. Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia số tài sản đã nêu nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Chị N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của chị Bùi Huỳnh N yêu cầu ly hôn với anh Ngô Hải T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Huỳnh N và anh Ngô Hải T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Đình T, sinh ngày 22/5/2011 và cháu Ngô Song H, sinh ngày 19/12/2012 cho chị Bùi Huỳnh N tiếp tục nuôi dạy. Anh Ngô Hải T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T và cháu H mà không ai được cản trở.

Anh Ngô Hải T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Song H hàng tháng với số tiền 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí hôn nhân và gia đình chị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16/4/2018, chị N nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu số 0005410 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu 300.000 đồng, chị N được nhận lại 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Huỳnh N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Hải T, ông Bùi Văn H và bà Lê Ngọc B vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt